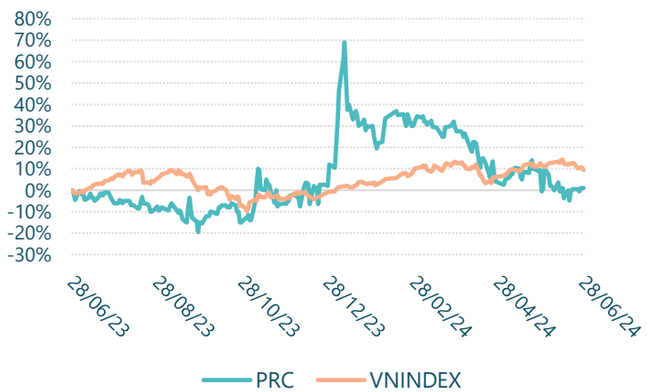
CTCP Logistics Portserco (HNX: PRC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	19,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.9%	**-20.8%**	**-1.5%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	15,384 - 32,298
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
Số lượng CPLH (CP)	1,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,795
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	0.68
EPS	564
P/E	34.2

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

33.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.10 | 10.1%

YoY: ▲ 11.7 | 53.5%

Nợ/VCSH

Q2/24

62.1%

YoY: +/-▼ 1.3%

LN gộp

Q2/24

2.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.24 | -8.9%

YoY: ▲ 0.89 | 57.9%

ROE (TTM)

Q2/24

1.9%

YoY: +/-▲ 0.6%

LN trước thuế

Q2/24

0.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.09 | 18.6%

YoY: ▲ 0.32 | 132%

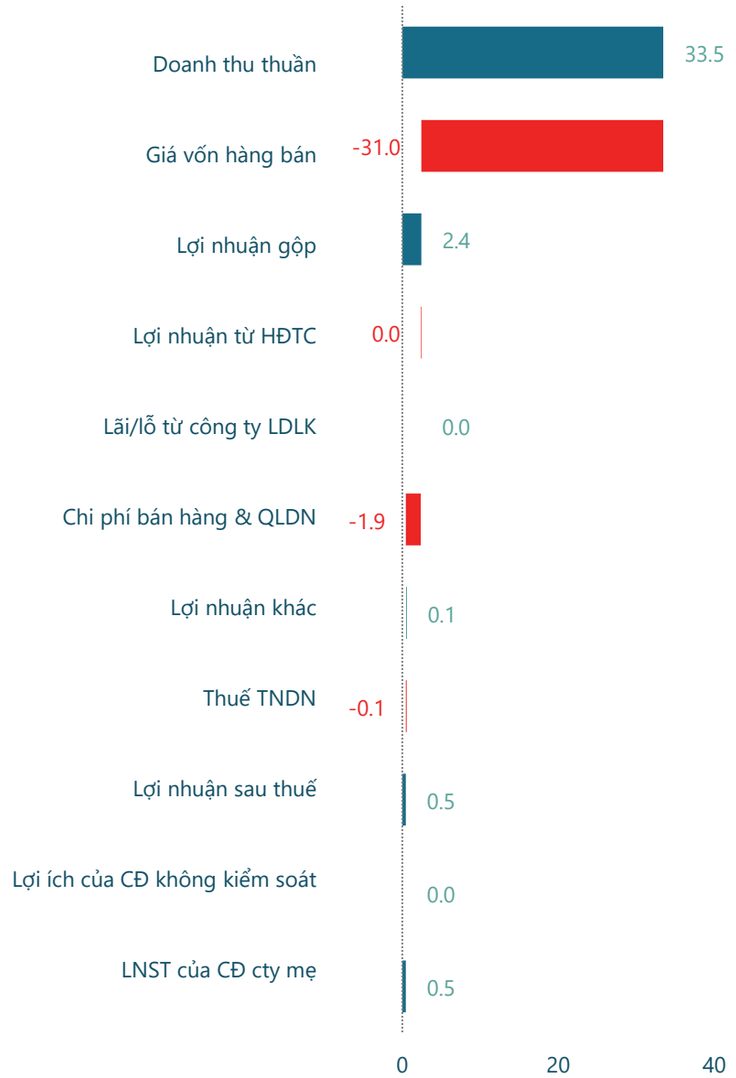
ROA (TTM)

Q2/24

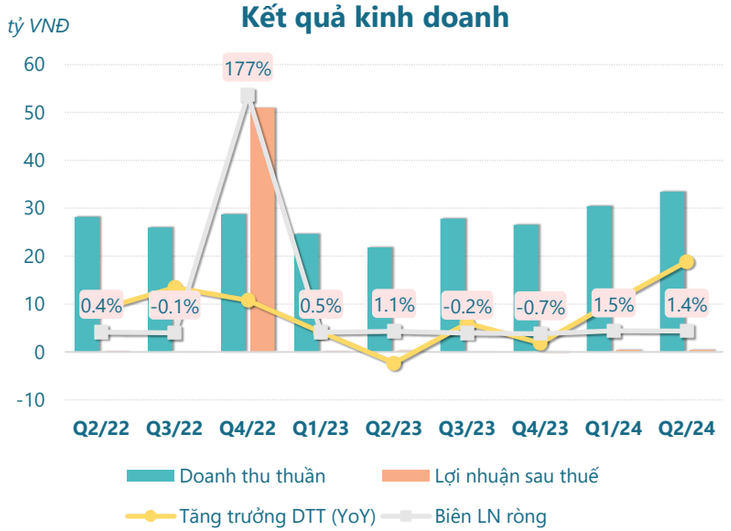
1.2%

YoY: +/-▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh Q2/24

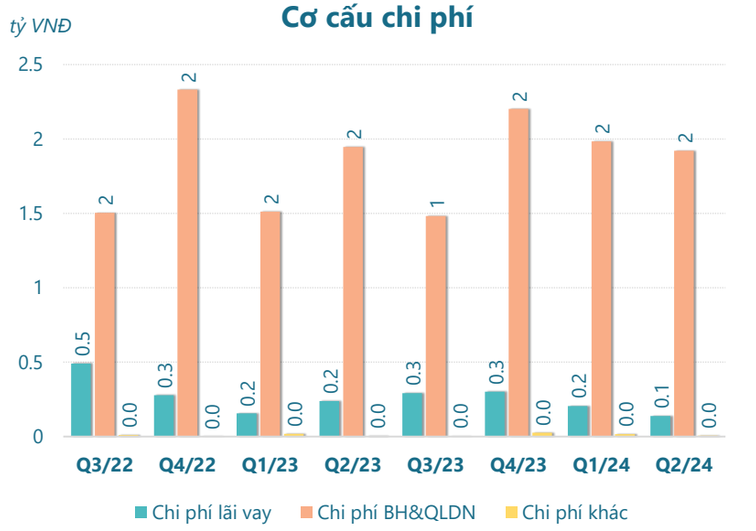


CTCP Logistics Portserco (HNX: PRC)



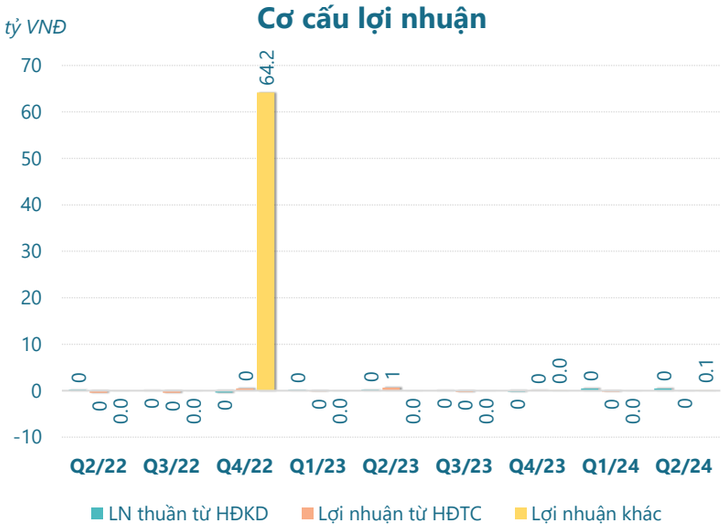
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.46 tỷ đồng**, giảm đi 4.17% so với kỳ trước và cao hơn 84.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.05 tỷ đồng** tăng thêm 0.16 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 108% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.09 tỷ đồng**, tăng thêm 0.11 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.09 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PRC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **33.47 tỷ đồng** tăng thêm **53.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.46 tỷ đồng**, **tăng trưởng 91.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **64.00 tỷ đồng** cao hơn 36.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** tăng thêm 1.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.14 tỷ đồng** giảm đi 33.3% so với kỳ trước và thấp hơn 41.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.92 tỷ đồng** giảm đi 3.03% so với kỳ trước và thấp hơn 1.54% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.01 tỷ đồng** giảm đi 50.0% so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Logistics Portserco (HNX: PRC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**33.5**	**30.4**	**10.1%**	**21.8**	**53.5%**	**63.9**	**46.5**	**37.4%**
Giá vốn hàng bán	31.0	27.8	11.6%	20.3	52.9%	58.8	43.2	36.2%
Lợi nhuận gộp	2.43	2.67	-8.9%	1.54	57.9%	5.10	3.34	52.8%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.00		0.89	-89.8%	0.09	0.90	-89.8%
Chi phí TC	0.14	0.21	-33.7%	0.24	-42.0%	0.35	0.39	-12.2%
Chi phí lãi vay	0.14	0.21	-33.7%	0.24	-42.0%	0.35	0.39	-12.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.37	0.41	-8.7%	0.32	17.0%	0.78	0.58	34.6%
Chi phí QLDN	**1.55**	**1.58**	**-2.1%**	**1.63**	**-5.1%**	**3.12**	**2.88**	**8.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.46	0.48	-3.5%	0.25	85.3%	0.95	0.38	146%
Lợi nhuận khác	**0.09**	**-0.02**	**572%**	**0.00**		**0.08**	**-0.02**	**440%**
LN trước thuế	0.56	0.47	18.6%	0.24	132%	1.02	0.36	183%
Lợi nhuận sau thuế	**0.46**	**0.47**	**-2.7%**	**0.24**	**90.5%**	**0.92**	**0.36**	**156%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.46**	**0.47**	**-2.7%**	**0.24**	**90.5%**	**0.92**	**0.36**	**156%**

